

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày: 10- 5- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Học.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Mẫu và ông Lê Quang Thạch

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/HSST ngày 15/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo: Võ Văn P, sinh ngày 29/8/1970 tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn N, sinh năm 1932 và bà Trần Thị L(chết); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

- Anh Phạm Xuân T, sinh 1985, thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa.

Người Tham gia tố tụng khác (người làm chứng):

- Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14 giờ 12 phút, ngày 10/12/2018 Võ Văn P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 73H1-227.38 đến ngã tư Chợ Đ thuộc thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình thì bị lực lượng Công an huyện L yêu cầu dừng xe kiểm tra, lúc này Phương vứt sang bên đường 01 lọ thủy tinh và 01 gói nilon đều dán băng keo màu đen. Qua kiểm tra phát hiện bên trong lọ thủy tinh chứa 12 viên nén màu hồng và bên trong gói nilon chứa 20 viên nén màu hồng. Quá trình khám xét tại nhà ở của Võ Văn P tại thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, lực lượng chức năng còn thu giữ 01 mẫu chất màu hồng ở sàn nhà.

Vật chứng thu giữ:

- 01 lọ thủy tinh chứa 12 viên nén hình tròn màu hồng và 01 gói nilon chứa 20 viên nén hình tròn màu hồng, bên trong đều quấn băng keo màu đen và 01 mẫu chất màu hồng, tất cả được niêm phong và đánh dấu ký hiệu A1, A2, A3. Tại bản kết luận giám định số 47/GĐ –PC 09 ngày 13/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Các mẫu ký hiệu A1, A2 và A3 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 3,261 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ. Tổng khối lượng chất ma túy còn lại sau giám định là 2,606 gam, trong đó 0,957 gam mẫu ký hiệu A1 và vỏ bao gói; 1,649 gam mẫu ký hiệu A2 và bao gói; mẫu ký hiệu A3 chỉ còn vỏ bao gói.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu đỏ đen đã qua sử dụng, BKS 73H1-227.38. Cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu xe mô tô BKS 73H1-227.38 đăng ký mang tên Lê Thị N, trú tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Bản cáo trạng số: 91/CT- VKSQB-P1 ngày 13/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Võ Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện L, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên nội dung quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn P từ 18 đến 24 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS và đề nghị tịch thu tiêu hủy 2,606 gam. Methamphetamine; áp dụng khoản điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, khoản 2 Điều 47 BLHS trả lại cho chị Lê Thị N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu đỏ đen đã qua sử dụng, BKS 73H1-227.38.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo Võ Văn P: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Chiều ngày 10/12/2018, T gọi điện hẹn P lên đường tàu thuộc xã M, huyện L để bán ma

túy cho P. Khoảng 14 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô BKS 73H1-227.38 không có giấy tờ đăng ký đến địa điểm nói trên gặp T, tại đây P mua của T 32 viên ma túy hồng phiên được đựng trong 01 lọ thủy tinh và 01 gói nilon đều dán băng keo màu đen với giá 1.900.000 đồng với mục đích đưa về nhà cất giấu để sử dụng dần, khi Võ Văn P đến ngã tư Chợ Đ thuộc thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình thì bị phát hiện bắt giữ quả tang cùng với tang vật thu giữ đã được giám định. Đối với người bán ma túy, bị cáo chỉ biết tên T, người tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, không biết cụ thể ở địa chỉ ở đâu. Xe mô tô BKS 73H1-227.38 do Phạm Xuân T, sinh năm 1985 ở thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình đưa đến cầm cố để mượn P số tiền 31.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi liên quan. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không phát hiện bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Như vậy đã có đủ căn cứ để HĐXX kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 BLHS. Tổng khối lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ 3,261 gam(dưới 05 gam). Vì vậy VKSND truy tố bị cáo tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân bị cáo: Ma túy là chất nguy hại cho sức khỏe con người, là hiểm họa cho xã hội, bị tuyệt đối cấm sử dụng trong y học, trong đời sống xã hội. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy được pháp luật hình sự nước ta đánh giá hành vi mang tính nguy hiểm cao cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 249 BLHS có khung hình phạt tù đến 5 năm thuộc loại tội phạm nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm lớn cho xã hội, vì vậy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, chưa bị Tòa án kết tội lần nào.

[3] Về tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS(thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS(bố bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất). Xét nhân thân bị cáo, tình tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xem xét áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên với tính nguy hiểm cao của hành vi của bị cáo cho xã hội, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Ma túy là chất tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và trong đời sống xã hội vì vậy cần tịch thu tiêu hủy 2,606 gam ma túy và vỏ bao gói được bỏ vào 03 phong bì và niêm phong; Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda CPX màu đỏ đen đã qua sử dụng, BKS 73H1-227.38 bị cáo sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị N, chị N cho con trai Phạm Xuân T mượn làm phương tiện đi lại, chị N không biết Phạm Xuân T đưa đến giao cho P để mượn P số tiền 31.500.000 đồng, Chị N không có lỗi trong việc giao phương tiện cho bị cáo làm phương tiện phạm tội nên trả lại xe cho chị N. Việc Phạm Xuân T mượn bị cáo số tiền 31.500.000, đồng là quan hệ dân sự không liên quan đến vụ án.

[6] Về vấn đề khác: Đối với đối tượng tên T, cơ quan điều tra không xác định được T là ai, cư trú ở đâu nên không có cơ sở điều tra mở rộng vụ án. HĐXX thống nhất khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ Luật Hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn P 18(mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/12/2018.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS tịch thu tiêu hủy 2,606 gam. Methamphetamine; áp dụng khoản điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, khoản 2 Điều 47 BLHS trả lại cho chị Lê Thị N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu đỏ đen, BKS 73H1-227.38.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình; Khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/5/2019) anh Phạm Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã A;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP;
- Lưu HS vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Học